

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/HS-ST

Ngày: 27-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Bùi Hữu Phước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2025/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **NGUYỄN THẾ A** - sinh năm 1992 tại Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh); nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn Đ, phường B, tỉnh Bắc Ninh); Nơi cư trú: 4 C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là 4 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn A1 (đã chết) và con bà: Cao Thị H, sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; con: Ba người con (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2023); Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 01/8/2024 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **PHẠM CHÍ L** - sinh năm 1987 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ là Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L1, sinh năm 1969 và con bà: Ngô Thị Lệ E,

sinh năm 1969; vợ: không có, con: 01 (sinh năm 2023); Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 7 tháng tù treo, thời gian thử thách 14 tháng, kể từ ngày 29/12/2021, đã chấp hành xong án phí, tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tiền sự, tiền án: Không.

Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 01/8/2024 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. TRẦN THỊ XUÂN H2 - sinh năm 1985 tại Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: A C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là A C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1952; chồng: không có; con: có 1 người con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 31/7/2024 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ú - sinh năm 1948;

Địa chỉ: A C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là A C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 30/7/2024, Công an P, quận T (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Trần Thị Xuân H2 có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán cho người khác, thu giữ trong cốp xe gắn máy hiệu Vision, BKS: 59NA – 208.26 có chứa 01 bịch nylon bên trong có 06 gói nylon ghi số “2” và 6 gói nylon ghi số “5”, bên trong mỗi gói đều chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng lần lượt là $m_1 = 3,0248$ gam ma túy loại Metamphetamine, $m_2 = 1,4786$ gam ma túy loại Metamphetamine (Kết luận giám định số 9075/KL-KTHS ngày 07/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H).

Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp phòng 505 khách sạn M số C B, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), thu giữ: 01 chai nhựa, 01 bật lửa. Nguyễn Thế A, Phạm Chí L và Đỗ Phạm Hoàng S đều xác định là dụng cụ các đối tượng dùng để cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng 505.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thế A tại địa chỉ phòng C, địa chỉ

4 C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thu giữ: 01 bình có gắn nỏ thủy tinh không chứa gì, ống hút. Thế A thừa nhận đây là dụng cụ Thế A dùng để sử dụng ma túy.

Kết quả xét nghiệm ma túy, Nguyễn Thế A, Trần Thị Xuân H2, Phạm Chí L và Đỗ Phạm Hoàng Sơn dương tính với ma túy đá (MET).

1. Về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của Nguyễn Thế A, Phạm Chí L:

Quá trình điều tra, Nguyễn Thế A, Phạm Chí L khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng giữa tháng 7/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy, Nguyễn Thế A đã đặt mua hộp 05 ma túy đá (là 05 gam) với giá 2.000.000 đồng, từ tài khoản tên “Only Love” trên mạng xã hội Telegram của 01 người tên B (không rõ lai lịch), số điện thoại 0937041068. Thế A đi xe máy đến đến đầu đường N, Quận A (không rõ địa chỉ) thì có nam thanh niên đội mũ, đeo khẩu trang không rõ mặt đi xe gắn máy (không rõ biển số) đến và đưa cho Thế A 01 gói nylon chứa ma túy đá. Thế A trả tiền mặt rồi đem số ma túy này về nhà 310 số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng dần.

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 28/7/2024, Phạm Chí L sử dụng số điện thoại 0923434373 gọi cho Thế A (số điện thoại 0978158807) hỏi Thế A có ma túy không, L đang bị đau răng và mệt nên muốn sử dụng. Thế A nói còn ma túy và nói L đến phòng trọ để sử dụng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L ghé nhà Thế A tại phòng 310 số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Thế A để sẵn ma túy trong nỏ có gắn vào bình nhựa và để gần tủ lạnh trong phòng. L vô phòng thì thấy bình nỏ nên dùng bật lửa tự đốt nỏ lên và hút 03 hơi, L hút xong đưa bình nỏ cho Thế A hút 2 hơi thì hết ma túy trong nỏ. Lúc này, Thế A bỏ số ma túy còn lại trong gói nylon (khoảng 03 số, tương đương 0,3 gam ma túy đá) vào trong nỏ để chuẩn bị hút nhưng Đỗ Phạm Hoàng S sử dụng số điện thoại 0776201353 gọi điện cho Thế A (số điện thoại 0978158807) nói đang đứng đợi ở đầu hẻm D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do trước đó Thế A có điện thoại cho S hẹn qua nhà Thế A để đi lấy xe máy vì Thế Anh có cho người quen mượn nhưng người này đã mang xe máy của Thế A mang đi cầm đồ.

Khi biết S chuẩn bị đến, Thế A nghĩ 3 người cùng ở trong phòng mà sử dụng ma túy chung thì ồn ào sẽ khiến những người xung quanh biết nên Thế A rủ L chuyển qua khách sạn M, địa chỉ C B, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng ma túy. L đồng ý nên đã gỡ nỏ thủy tinh có chứa sẵn ma túy Thế A mới cho vào và ống hút rồi bỏ vào túi quần để qua khách sạn sử dụng (không cầm bình nhựa). Thế A đi cùng L xuống nhà và lấy xe gắn máy chở L đi qua khách sạn M. Khi ra đến đầu đường C thì gặp S đang ngồi chờ ở quán mì gõ nên Thế A chở 03 qua khách sạn M số C B, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến nơi, Thế A đưa Căn cước công dân của mình cho tiếp tân khách sạn và thuê phòng 505 (chưa trả

tiền) rồi đưa chìa khoá cho S đi cùng L lên phòng 505. Còn Thế A lấy xe gắn máy đi mua thức ăn cho 03 người.

Tại phòng 505, L dùng bật lửa hơ nỏ rồi đục 2 lỗ trên nắp chai nước vừa mua rồi gắn nỏ thủy tinh và ống hút để chế công cụ sử dụng. Tạo dụng cụ sử dụng ma túy xong, L dùng bật lửa đốt nỏ và hút khoảng 3 hơi. Hút xong, L đưa bình nỏ cho S. Lúc này S mới biết vào khách sạn để sử dụng ma túy. S tự mình dùng bật lửa đốt nỏ thủy tinh hút khoảng 3 hơi. S và L sử dụng xong ma túy thì Thế A mua đồ ăn về phòng. Thế A lấy bình nỏ để giữa hai chiếc giường ra cùng sử dụng. Thế A hút vài hơi (không nhớ rõ) rồi lấy điện thoại ra chơi game cùng L và S.

Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 29/7/2024, L mượn xe Thế A đi về phòng trọ ở Tây Ninh để thu dọn đồ đạc, đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày thì S về nhà còn Thế A ngủ đến khoảng 10 giờ 00 dậy và hút 1 hơi ma túy đá rồi để bình nỏ vẫn còn ma túy lại ở phòng 505 khách sạn M. Sau đó, Thế A khóa cửa phòng và mang chìa khóa phòng theo rồi đi về H. Khoảng 19 giờ 41 phút ngày 29/7/2024, S gọi điện thoại cho Thế A hỏi khi nào đi qua tiệm cầm đồ để nói chuyện thì Thế A nói qua khách sạn chơi rồi đi luôn. Thế A quay về khách sạn mở phòng chờ S đến, trong lúc chờ S đến thì L đến gõ cửa phòng, Thế A ra mở cửa cho L vào. Sau khi vào phòng L lấy bình nỏ còn chứa ma túy từ trước đó ra đốt lên hút khoảng 3 hơi, Thế A thì vào phòng vệ sinh tắm rửa và lấy xe gắn máy đi ra ngoài. Sau khi Thế A đi thì S đến phòng 505, S vào phòng và thấy bên cạnh giường có để sẵn dụng cụ sử dụng ma túy trong đó có ma túy để trong nỏ nên đốt nỏ và hút khoảng 3-4 hơi rồi để trên bàn và ngồi chơi, L sau đó cũng lấy dụng cụ sử dụng ma túy hút khoảng 3 hơi. Hút xong L lại giường nằm, S ngồi chơi một lúc thì có H2 đến phòng 505, L ra mở cửa cho H2 vào. S đưa điện thoại R màu xanh ra đưa cho H2, H2 ngồi bấm điện thoại để kiểm tra khoảng 30 phút H2 đứng dậy đi về. L có đưa bình nỏ rỏ H2 sử dụng ma túy nhưng bật lửa không lên nên H2 không hút.

Một lúc sau, S có đốt nỏ tự hút thêm 1-2 hơi cho đến lúc hết ma túy thì S ra về. S vừa ra khỏi phòng thì Công an tiến hành kiểm tra hành chính mời S và L về trụ sở làm việc, cùng các công cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, 01 bật lửa.

2. Về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Trần Thị Xuân H2:

Quá trình điều tra, Trần Thị Xuân H2 khai nhận hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian Nguyễn Thế A sử dụng ma túy cùng với Phạm Chí L và Đỗ Phạm Hoàng S tại Phòng số 505 khách sạn M số C B, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì Trần Thị Xuân H2 đến nhà Thế A tại phòng 310 số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để gặp Trịnh Hoàng V mua ma túy để bán lại kiếm lời.

Thông qua mối quan hệ xã hội, H2 quen biết Nguyễn Thế A từ tháng 6/2024. Khoảng tháng 7/2024, H2 thường xuyên qua nhà Thế A tại địa chỉ

phòng C số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để chơi. Tại đây H2 có gặp người bạn của Thế A tên Trịnh Hoàng V, qua nói chuyện H2 biết V có bán ma túy nên khoảng cuối tháng 7/2024 H2 có hỏi mua V hộp 5 ma túy với giá 2.000.000 đồng để bán kiếm lời.

Vào lúc 19 giờ 55 ngày 29/7/2024, V sử dụng số điện thoại 0949600616 và Zalo “Sanyo” (liên kết với số điện thoại trên) cho H2 và hẹn H2 đến phòng 310 số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) bán ma túy đá cho H2. Đến 20 giờ 57 phút cùng ngày, H2 gọi cho V và chạy xe Vision BKS: 59NA – 208.26 đến 4 Cộng Hòa P quận T. H2 gửi xe dưới tầng hầm và đi thang máy đến phòng 310 số D C, Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do cửa phòng mở sẵn nên H2 bước vào và gặp V trong phòng ngoài ra không có ai khác. H2 vừa vào phòng thì thấy V đã để sẵn 01 gói nylon chứa ma túy đá trên sàn giữa phòng. V nói với H2 đây là hộp 5 ma túy đá (nghĩa là 5 gam) là số ma túy mà H2 đã đặt mua của V trước đó. Sau đó, V có tự ý mở bịch ra rồi lấy một ít ma túy đá bên trong bịch rồi bỏ vào nỏ gắn trên dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn trong nhà rồi đốt lên hút. Vô hút xong đưa bình nỏ có sẵn ma túy cho H2, H2 hút 3 hơi rồi để lại bình nỏ cho V. Sử dụng ma túy xong, H2 lấy các túi nylon nhỏ mang sẵn trong người ra phân số ma túy đá vừa mua của V. H2 dùng tay đổ ma túy vào trong các gói nhỏ rồi cân lên (H2 dùng cân tiểu li có sẵn ở phòng trọ), H2 phân được 12 gói ma túy, 6 gói chứa 0,2 gam và 6 gói chứa 0,6 gam, tổng cộng là 4,8 gam ma túy đá. Phân xong H2 lấy cây bút lông có sẵn ở đó và viết lên 6 gói 0,2 gam số “2” (có nghĩa bán với giá 200.000 đồng/gói) và viết số “5” lên 6 gói chứa 0,6 gam ma túy (có nghĩa bán ra cho khách giá 500.000đ/gói). Sau khi chia ma túy xong H2 bỏ 12 gói nylon này vào trong 01 túi nylon rồi kẹp vào bóp tiền. H2 trả cho V là 2.000.000 đồng tiền mặt và cùng V đi thang máy xuống tầng để xe. H2 lấy xe ra mở cốp xe và bỏ ma túy vào trong cốp xe Vision BKS: 59NA – 208.26 và chờ V đi đến đầu hẻm D C và thả Vô xuống đây.

H2 chạy xe gắn máy thẳng đến khách sạn M số 35 B Phường A, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và lên phòng số 505 của khách sạn. Do trước đó H2 có hẹn với Phạm Chí L đang ở phòng này để đổi điện thoại bị hư, khi H2 vào phòng 505 thì có L và S tại đây. L có lấy ma túy ra mời H2 sử dụng nhưng vì bật lửa không lên nên H2 không cùng sử dụng chung ma túy với L và S mà lấy điện thoại ra kiểm tra xong thì H2 đứng dậy đi về. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 30/7/2024, H2 đang chuẩn bị điều khiển xe máy hiệu Vision, BKS: 59NA – 208.26 thì bị tổ Công tác Công an P, Quận T (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Trần Thị Xuân H2 có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán cho người khác cùng vật chứng của vụ án.

Vật chứng vụ án đã được nhập kho vật chứng, gồm:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có số: 2780/24, chữ ký, tên của Trần Thị Xuân H2 và hình dấu Công an P, quận T cùng chữ ký của giám định viên

Bùi Công D, Điều tra viên Hoàng Phạm Việt H3. Bên trong là số ma túy còn lại sau giám định gồm: m1 = 2,8098 gam ma túy loại Metaphetamine, m2 = 1,3113 gam ma túy loại Metaphetamine.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S màu xanh (thu giữ của Phạm Chí L).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A54 màu đen (thu giữ của Nguyễn Thế A).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C3i (thu giữ của Trần Thị Xuân H2).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 Galaxy A54 5G màu tím (thu giữ của Trần Thị Xuân H2). Qua kiểm tra có phát hiện tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến việc mua bán ma túy.

- 01 (một) bình nhựa, 01 (một) bật lửa, 01 (một) bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa (bên trong không chứa gì).

- 01 (một) xe máy Honda Vision, BKS: 59NA-208.26. Qua xác minh, chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Ú. Bà Ú cho con gái là Trần Thị Xuân H2 mượn, nhằm mục đích đi chơi. Bà Ú không biết H2 dùng xe này vào việc mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý, trả lại xe cho bà Ú theo Quyết định xử lý vật chứng số 1689/QĐ-ĐCSMT ngày 16/8/2024.

Quá trình điều tra Nguyễn Thế A, Phạm Chí L thừa nhận toàn bộ hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và Trần Thị Xuân H2 thừa nhận toàn bộ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” như trên.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKS-TB ngày 17 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố: bị cáo Nguyễn Thế A về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; bị cáo Phạm Chí L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; bị cáo Trần Thị Xuân H2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh trong phần luận tội đã tóm tắt lại hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nêu rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo như sau:

+ Đối với Nguyễn Thế A từ 08 (T) năm 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) năm tù giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Đối với Phạm Chí L từ 08 (T) năm 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) năm tù giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Đối với Trần Thị Xuân H2 từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (S1) tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Về hình phạt bổ sung: không có.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận, không bào chữa bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Ú xác nhận bà đã nhận lại xe máy, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, bản kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Từ ngày 28/7/2024 đến ngày 29/7/2024, tại phòng 310 số D C, Phường A, quận T và phòng 505 khách sạn M số C B, Phường A, quận T, các bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Chí L đã có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy nhiều lần cho nhiều người gồm hai bị cáo là Thế A và L, đối tượng tên S, sau đó có rủ thêm bị cáo H2 nhưng do bật lửa không sử dụng được nên H2 không thực hiện được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy được. Bị cáo L là người khởi xướng và làm ra dụng cụ mục đích để sử dụng ma túy, bị cáo Thế A là người cung cấp ma túy, dùng căn cước công dân thuê phòng khách sạn (nhưng chưa thanh toán tiền) là nơi các bị cáo sử dụng ma túy, mua ma túy và công cụ hỗ trợ tổ chức sử dụng nhiều lần cùng với nhau và rủ rê những người

khác cùng sử dụng thuốc trường hợp đối với 02 người trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2.2] Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 30/7/2024, bị cáo Trần Thị Xuân H2 bị Công an P, quận T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang H2 có hành vi cất giấu trái phép 4,5034 gam ma túy, loại Methamphetamine để bán cho người khác cùng vật chứng của vụ án. Hành vi của bị cáo H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của các bị cáo Nguyễn Thế A, Phạm Chí L và “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo Trần Thị Xuân H2 như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo đều đã thành niên và biết rõ tác hại của chất ma túy nhưng chỉ vì lười lao động và muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo H2 đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Thế A và L biết rõ tác hại của việc cất giấu ma túy để sử dụng và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã thống nhất thỏa thuận thực hiện hành vi vi phạm, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng; hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc bằng biện pháp hình phạt tù có thời hạn nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện.

Đối với đối tượng Trịnh Hoàng V, bán ma túy cho bị cáo H2, do không xác định nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có cơ sở xử lý. Hiện nay chỉ có lời khai của H2 về việc mua ma túy của V ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên chưa đủ cơ sở xác định được hành vi bán ma túy của Trịnh Hoàng V. Đề nghị tiếp tục truy tìm và xử lý đối với hành vi của đối tượng này khi có đủ cơ sở

Đối với Đỗ Phạm Hoàng S được Nguyễn Thế A rủ rê sử dụng trái phép chất ma túy, S không tham gia đóng góp địa điểm, ma túy hay dụng cụ sử dụng ma túy, S không có nơi cư trú nhất định nên Công an quận T đã ra quyết định đưa Đỗ Phạm Hoàng S đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện N.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết vợ bị cáo Nguyễn Thế A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi 03 con nhỏ lớn nhất sinh năm 2018 và nhỏ nhất sinh năm 2023, trong đó 01 bé sinh năm 2020 bị bại não nhược điểm về thể chất không thể tự chăm sóc bản thân; Bị cáo Phạm Chí L có 01 con nhỏ sinh năm 2023 và bị cáo Trần Thị Xuân H2 là mẹ đơn thân: Cả 03 bị cáo đều có con cần được chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét xử cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị để bị các bị cáo có cơ hội lao động và nuôi dạy con cái.

[4] Về trách nhiệm dân sự: không có.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có số: 2780/24, chữ ký, tên của Trần Thị Xuân H2 và hình dấu Công an P, quận T cùng chữ kí của giám định viên Bùi Công D, Điều tra viên Hoàng Phạm Việt H3. Bên trong là sô ma túy còn lại sau giám định gồm: m1 = 2,8098 gam ma túy loại Metamphetamine, m2 = 1,3113 gam ma túy loại Metamphetamine là ma túy còn lại sau khi giám định nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh thu giữ của Phạm Chí L. Bị cáo khai nhận có điện thoại nhắn tin với bị cáo Thế A liên quan đến việc tổ chức sử dụng ma túy nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 màu đen thu giữ của Nguyễn Thế A. Bị cáo khai nhận có điện thoại nhắn tin với bị cáo Chí L liên quan đến việc tổ chức sử dụng ma túy nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme màu xanh thu giữ của Trần Thị Xuân H2 xét đây là tài sản riêng của bị cáo, qua kiểm tra thông tin thấy bị cáo không dùng trong việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu tím thu giữ của Trần Thị Xuân H2. Qua kiểm tra có phát hiện tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến việc mua bán ma túy nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) bình nhựa, 01 (một) bật lửa, 01 (một) bình có gắn nỏ thủy tinh, ống hút nhựa (bên trong không chứa gì). Xét thấy đây là vật dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử cần phải tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe máy Honda Vision, BKS: 59NA-208.26. Qua xác minh, chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị Ú. Bà Ú cho con gái là Trần Thị Xuân H2 mượn, nhằm mục đích đi chơi, bà Ú không biết bị cáo H2 dùng xe này vào việc mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý, trả lại xe cho bà Ú theo Quyết định xử lý vật chứng số 1689/QĐ-ĐCSMT ngày 16/8/2024 là có căn cứ, tại phiên tòa bà Ú cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét

xử không xem xét lại.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế A.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Chí L.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Xuân H2.

[1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 08 (T) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Phạm Chí L 08 (T) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Xuân H2 04 (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2024.

[2] Xử lý vật chứng của vụ án – Thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 122/BB/2025 ngày 01/8/2025 giữa Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự quận khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có số: 2780/24, chữ ký, tên của Trần Thị Xuân H2 và hình dấu Công an P, quận T cùng chữ ký của giám định viên Bùi Công D, Điều tra viên Hoàng Phạm Việt H3. Bên trong là số ma túy còn lại sau giám định gồm: m1 = 2,8098 gam ma túy loại Metamphetamine, m2 = 1,3113 gam ma túy loại Metamphetamine, 01 (một) bình nhựa, 01 (một) bật lửa, 01 (một) bình có gắn nổ thủy tinh, ống hút nhựa (bên trong không chứa gì).

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu tím, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị Xuân H2; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Chí L; 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thế A.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, đã qua sử dụng cho bị cáo Trần Thị Xuân H2.

[3] Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thế A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Chí L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thị Xuân H2 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.HCM;
- VKSND khu vực 4 - Tp. HCM;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tp. HCM;
- TAND và VKSND Tp. HCM;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc